TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2020/DSPT
Ngày: 30-12-2020
"V/v *Tranh chấp lối đi chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn; bà Nguyễn Thị Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30/12/2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2020/TLPT- DS ngày 04/11/2020 về việc: *"Tranh chấp lối đi chung"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 275/2020/QĐPT-DS ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019), địa chỉ: Số nhà A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Th, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974. (Có mặt)

3.3. Anh Phan Văn T, sinh năm 2000.

3.4. Anh Phan Văn D, sinh năm 2002.

3.5. Phan Thị T, sinh năm 2008.

3.6. Phan Nguyễn M, sinh năm 2010.

3.7. Phan Thị Nhật V, sinh năm 2013.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện của bà S, anh T, anh D, chị T, anh M và chị V: Ông Phan Văn Th.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Phan Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Gia đình bà Trần Thị Bích H và ông Phạm Xuân L có tài sản là thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 8739,8m^2 tại thôn B, xã C, huyện K, được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 17/9/2013. Nguồn gốc đất là do gia đình bà H nhận chuyển nhượng từ 02 hộ gia đình ông H và gia đình ông T bà B vào năm 1998, khi nhận chuyển nhượng đã có con đường đi dài 30m, rộng 1,5m để đi vào đất bà H nhận chuyển nhượng, cùng sử dụng con đường có gia đình ông Phan Văn Th (thửa đất số 216) và ông Nguyễn Văn H (thửa đất số 212). Về nguồn gốc con đường trước đó như thế nào thì bà H không biết nhưng đã có từ năm 1998.

Năm 2016 ông Phan Văn Th nhận chuyển nhượng thửa đất số 212 của ông Nguyễn Văn H thì ông H với ông Th có thỏa thuận để cho gia đình bà H tiếp tục sử dụng con đường đó để đi vào đất rẫy của bà H. Tại thời điểm ông Th nhận chuyển nhượng thì đất của ông H vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận, đến năm 2018 ông Th mới đi kê khai làm thủ tục và được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số CI 695730, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, diện tích 3508,5m^2. Sau đó ông Th đã tự tháo dỡ hàng rào là ranh giới đất ông Th và ông H , rồi trồng cà phê trên con đường đi không cho gia đình bà H đi qua để vào rẫy. Gia đình bà H đã nhiều lần thỏa thuận với gia đình ông Th cũng như gửi đơn lên UBND xã C để hòa giải về việc yêu cầu ông Th để lại con đường đi này cho bà H, về phía bà H sẽ trả tiền tương đương với giá trị của con đường cho ông Th nhưng ông Th cương quyết không đồng ý. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn Th phải trả lại lối đi đã có như trước đây có chiều dài 30m, rộng 1,5m (đo đạc thực tế dài 28,7m x rộng 1,5m = 43,05m^2).

Tại phiên tòa bà H thay đổi nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để mở cho bà H lối đi vào rẫy của mình có kích thước như trên và bà H sẽ thanh toán cho ông Th số tiền tương đương với giá trị của con đường theo kết quả định giá vì hiện nay bà H không còn bất kỳ lối đi nào khác để vào đất rẫy của mình. Việc ông Th đồng ý mở cho bà H lối đi khác vào đất của bà H là lối đi theo hình chữ L, có kích thước chiều rộng 1,5m, chiều dài dọc theo cạnh phía nam giáp đất của ông H là 120,77m, cạnh phía đông giáp đất của ông H1 là 12,09m và giáp đất của ông B là 15,39m, trên đất có cây cà phê đồng thời bà H phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt giá trị đất và tài sản trên đất cho ông Th thì bà H không đồng ý, vì lối đi này xa hơn lối đi đã có từ trước và bà H sẽ phải bồi thường cho ông Th giá trị đất và tài sản trên đất nhiều hơn.

* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, diện tích 3508,5m^2 là do ông Th nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị H vào năm 2016 (giấy chuyển nhượng ghi năm 2006 là do ghi nhầm). Thời điểm nhận chuyển nhượng do đất của ông H và bà H chưa được cấp GCNQSDĐ nên giữa hai bên chỉ thỏa thuận sang nhượng bằng giấy chuyển nhượng viết tay không qua xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và cũng không đo đạc thực tế mà chỉ ước chừng khoảng 3.590m^2, giá trị chuyển nhượng là 80.000.000đ. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của ông H thì đã có con đường mòn nằm trên đất của ông H , ranh giới đất của ông Th (thửa đất số 216) với thửa đất số 212 của ông H là 02 bụi le và hàng cây chè tàu do ông Th trồng, khi chuyển nhượng ông H có nói với ông Th "*lối đi này nằm trong đất tôi bán cho anh nhưng chỗ tình làng nghĩa xóm anh để cho hộ bà H đi nhờ với"*. Năm 2016 sau khi giao tiền đầy đủ cho ông H thì ông H bàn giao đất cho ông Th sử dụng, ông Th vẫn tiếp tục để cho gia đình bà H sử dụng lối đi này. Năm 2018 ông Th làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ và đến ngày 24/7/2018 UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số CI 695730, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, diện tích 3508,5m^2 cho ông Th.

Mục đích ông Th nhận chuyển nhượng thửa đất của ông H (thửa 212) vì thửa đất này liền kề với thửa 216 của ông Th nên tiện cho việc canh tác, sau khi được cấp GCNQSDĐ thì năm 2019 ông Th đã phá bỏ 02 bụi le và hàng cây chè tàu để trồng cà phê. Việc ông Th trồng cà phê trên lối đi mà bà H vẫn đi qua từ trước đã dẫn đến tranh chấp giữa ông Th và bà H, dù đã rất nhiều lần các bên tự hòa giải và được cấp xã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu trả lại lối đi thì ông Phan Văn Th không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Th đồng ý mở cho bà H lối đi khác vào đất của bà H là lối đi theo hình chữ L, có kích thước chiều rộng 1,5m, chiều dài dọc theo cạnh phía nam giáp đất của ông H là 120,77m, cạnh phía đông giáp đất của ông H1 là 12,09m và

giáp đất của ông B là 15.39m trên đất có cây cà phê, đồng thời bà H phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất và tài sản trên đất cho ông Th.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân L trình bày:

Năm 1998 ông L và bà H nhận chuyển nhượng đất từ 02 gia đình là gia đình ông H và gia đình ông T bà B, đến năm 2013 thì được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ thửa số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 8739,8m^2 tại thôn B, xã C, huyện K, khi nhận chuyển nhượng đã có con đường đi dài 30m, rộng 1,5m để đi vào đất nhận chuyển nhượng nêu trên, cùng sử dụng con đường có gia đình ông Phan Văn Th (thửa đất số 216) và ông Nguyễn Văn H (thửa đất số 212). Năm 2016 ông Phan Văn Th nhận chuyển nhượng lại thửa đất của ông Nguyễn Văn H, tại thời điểm ông Th nhận chuyển nhượng thì đất của ông H vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận, đến năm 2018 ông L có ký xác nhận giáp ranh cho Thu để đi làm thủ tục và được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số CI 695730, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, diện tích 3508,5m^2. Sau đó ông Th đã tự tháo dỡ hàng rào và trồng cà phê trên con đường đi không cho gia đình ông L đi qua để vào rẫy. Gia đình ông L đã nhiều lần thỏa thuận với gia đình ông Th cũng như gửi đơn lên UBND xã C để hòa giải về việc yêu cầu ông Th để lại con đường đi này nhưng ông Th cương quyết không đồng ý nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Th phải mở lại lối đi như hiện trạng trước đây. Do bị tai nạn lao động, sức khỏe yêu nên mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết tranh chấp lối đi với ông Th sẽ do bà H tham gia giải quyết cho đến khi vụ án được kết thúc, mọi ý kiến và quyết định của bà H cũng là ý kiến và quyết định của ông L.

* Người làm chứng ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H không có mối quan hệ họ hàng gì với gia đình ông Th và gia đình bà H. Nguồn gốc đất của ông H trước đây là do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoài P vào năm 1993, đến năm 2016 do không có nhu cầu sử dụng nên ông H chuyển nhượng cho ông Th, khi chuyển nhượng do đất chưa có GCNQSDĐ nên các bên chỉ viết giấy tờ tay với nhau và ghi nhầm là ngày 30/6/2006. Trước năm 1998 thì đã có con đường đi từ rẫy của ông H xuống đến Sình và đi qua đất của bà H và các hộ liền kề, sau đó các hộ dân đã tự lấn chiếm hết nên con đường không còn. Để đi được vào đất rẫy của mình thì ông H phải đi nhờ qua đất của bà H ở phía dưới nên ông H đã cho bà H đi nhờ trên đất của ông H để đi vào đất bà H ở phía trên từ năm 1998. Khi chuyển nhượng đất cho ông Th, ông H có nói với ông Th vẫn để cho gia đình bà H tiếp tục đi nhờ để đi vào rẫy thì ông Th đồng ý, sau đó các bên có tranh chấp với nhau về con đường nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ **Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk quyết định**:

Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 165, 235 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích H.

- Buộc ông Phan Văn Th có nghĩa vụ mở cho bà Trần Thị Bích H lối đi diện tích 43,05m^2 trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, có vị trí tứ cận: phía đông và phía tây giáp đất ông Phan Văn Th dài 28,7m; phía nam giáp đất ông H dài 1,5m; phía bắc giáp đất bà Trần Thị Bích H dài 1,5m, tọa lạc tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Trần Thị Bích H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Văn Th giá trị đất và tài sản trên đất là 2.600.800 đồng *(Hai triệu, sáu trăm nghìn, tám trăm đồng).*

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2020, bị đơn là ông Phan Văn Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông Th đề nghị mở lối đi ở hướng Nam của thửa đất 212 (giáp đất nhà ông H), chạy dài hết chiều dọc thửa đất đến đất nhà ông H1, chiều rộng 1,5m chiều dài khoảng 150m (con đường hình chữ L) để thửa đất số 212 và 216 của gia đình ông Th được liền kề, buộc gia đình bà H phải đi vòng thêm đoạn đường có chiều dài lớn hơn rất nhiều lần so với lối đi trước đây mới đi đến được đất rẫy của mình là không thuận tiện và hợp lý, gây ra thiệt hại về đất và tài sản trên đất lớn hơn nhiều cho các bên nên không có cơ sở chấp nhận, vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phan Văn Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX nhận thấy:

[1] Về kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Th trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn Th cho rằng chỉ đồng ý mở lối đi ở hướng Nam của thửa đất 212 (giáp đất nhà ông H), chạy dài hết chiều dọc thửa đất đến đất nhà ông H1, chiều rộng 1,5m chiều dài khoảng 150m (con đường hình chữ L) để thửa đất số 212 và 216 của gia đình ông Th được liền kề.

HĐXX xét thấy: Thửa đất số 211 của bà H đang sử dụng có vị trí tứ cận bị vây bọc bởi các thửa đất của ông B, ông S, ông H, ông L và ông Th, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 thì gia đình bà H có quyền yêu cầu gia đình chủ sở hữu bất động sản liền kề là gia đình ông Th mở lối đi hợp lý trên phần đất của gia đình ông Th. Theo đó riêng duy nhất cạnh phía nam giáp với thửa đất 212 của ông Th có một con đường kích thước dài 28,7m x rộng 1,5m = 43,05m^2 trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13, có vị trí tứ cận: phía đông và phía tây giáp thửa đất số 216 của ông Phan Văn Th dài 28,7m; phía nam giáp đất ông H dài 1,5m; phía bắc giáp đất bà Trần Thị Bích H dài 1,5m, tọa lạc tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk mà gia đình bà H sử dụng để đi vào đất của mình, nguồn gốc con đường là của ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoài P vào năm 1993, đến năm 2016 do không có nhu cầu sử dụng nên ông H chuyển nhượng cho ông Th, khi chuyển nhượng đất thì ông H có nói với ông Th vẫn để cho gia đình bà H tiếp tục đi nhờ để đi vào rẫy thì ông Th đồng ý, sau đó ông Th và bà H xảy ra tranh chấp, ông Th hiện nay trồng 07 cà phê và 01 cây gỗ dổi nên bà H không có con đường nào khác để đi vào đất của mình.

Đối với lối đi mà ông Th đề nghị mở cho bà H có chiều dài lớn hơn rất nhiều lần so với lối đi trước đây, buộc gia đình bà H phải đi vòng thêm đoạn đường có tổng chiều dài 119,55m mới đi đến được đất rẫy của mình là không thuận tiện và hợp lý, bên cạnh đó trên lối đi mà ông Th đề nghị mở cho bà H có trồng cây cà phê nên giá trị thiệt hại về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất khi mở lối đi gây ra cho các bên cũng lớn hơn nhiều so với lối đi bà H yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tư những phân tích nhận định trên, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa nêu rõ số thửa đất 216 - Là thửa đất liền kề với thửa đất 212 để xác định vị trí con đường mà bà H được chấp nhận mở lối đi là thiếu sót, gây khó khăn khi thi hành án nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Bích H tự nguyện chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên cần chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Th. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc ông Phan Văn Th có nghĩa vụ mở cho bà Trần Thị Bích H lối đi diện tích 43,05m^2 trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 13 tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vị trí tứ cận (Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2020 và Biên bản xác minh ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin):

+ Phía đông và phía tây giáp đất ông Phan Văn Th (Thửa đất số 216) dài 28,7m.

+ Phía nam giáp đất ông H dài 1,5m.

+ Phía bắc giáp đất bà Trần Thị Bích H dài 1,5m.

- Bà Trần Thị Bích H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Văn Th giá trị đất và tài sản trên đất là 2.600.800 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- **Về chi phí tố tụng**: Bà Trần Thị Bích H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Phiếu thu số 07 ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Về án phí:

+ Ông Phan Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011006 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007021 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh